TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11/11/2024
V/v "Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Hoàng Mai và ông Lê Thành Thật.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Phan H – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 527/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 663/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Tống Thị Mỹ L, sinh năm 1973. Địa chỉ thường trú: số 90/5A, đường P, khóm B2, phường B, thành phố L, tỉnh A. Địa chỉ liên lạc: số 1035/52 đường V, khóm B 6, phường B, thành phố L, tỉnh A (có mặt).

2.Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1971. Địa chỉ: số 1035/52 đường V, khóm B 6, phường B, thành phố L, tỉnh A (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng bà Tống Thị Mỹ L trình bày:

Về quan hệ Hôn nhân và Gia đình: Năm 1993, bà Tống Thị Mỹ L và ông Nguyễn Văn Đ quen biết và chung sống như vợ chồng, có tổ chức đám cưới nH không đăng ký kết hôn. Sau đám cưới ông bà chung sống hạnh phúc, sau đó mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc nên bà L yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết hôn nhân giữa ông bà theo quy định pháp luật.

Về quan hệ con chung: Bà L và ông Đ có hai con chung tên Nguyễn Phước H, sinh ngày 05/05/1995 và Nguyễn Phước Th, sinh ngày 15/06/1999, đã thành niên, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Ông và bà L tự quen biết, chung sống như vợ chồng vào năm 1993, có đám cưới nH không đăng ký kết hôn. Ông Đ không đồng ý yêu cầu ly hôn của bà L do không có mâu thuẫn, mong muốn hàng gắn tình cảm gia đình. Về con chung có hai con là Nguyễn Phước H và Nguyễn Phước Th, đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản và nợ chung không có.

Tại phiên tòa: Bà L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông Đ không đồng ý yêu cầu của bà L, mong muốn vợ chồng sống hạnh phúc.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L:

Về tố tụng: Quá trình tố tụng và tại phiên tòa những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng chấp hành đúng trình tự quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, bà L không công nhận ông bà là vợ chồng, con chung đã thành nhiên không yêu cầu giải quyết, tài sản và nợ không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa bà Tống Thị Mỹ L và ông Nguyễn Văn Đ là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh A theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp và có mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Bà L và ông Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993, đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Như vậy, hôn nhân giữa ông, bà đã vi phạm quy định pháp luật về đăng ký kết hôn. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét mâu thuẫn trong hôn nhân mà áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố quan hệ giữa bà L và ông Đ không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về quan hệ con chung: Bà L và ông Đ hai con chung là anh Nguyễn Phước H, sinh ngày 05/05/1995 và anh Nguyễn Phước Th, sinh ngày 15/06/1999 nH đã thành niên, có cuộc sống riêng, không phụ thuộc vào cha mẹ, bà L và ông Đ không yêu cầu nên không giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L, ông Đ thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bà L nộp theo quy định pháp luật, ông Đ không nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 179; 227, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

-Về quan hệ Hôn nhân và Gia đình: Không công nhận bà Tống Thị Mỹ L và ông Nguyễn Văn Đ là vợ chồng.

-Về quan hệ con chung: Bà L và ông Đ hai con chung là anh Nguyễn Phước H, sinh ngày 05/05/1995 và anh Nguyễn Phước Th, sinh ngày 15/06/1999, các con đã thành niên, có cuộc sống riêng, không phụ thuộc vào cha mẹ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về án phí: Bà L nộp số tiền 300.000đ, trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000672, ngày 24/09/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh A.

-Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của đương sự theo quy định pháp luật.

-Về thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án)

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TPLX;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Phương